TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92A/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 / 03 / 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương

2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi M Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLST- NHGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Đội 21, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1980. (Vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: Đội 21, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
Hiện đang chấp hành án tại: Đội 01, phân trại số 03, Trại giam T – tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/12/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Cà Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn M đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/12/2004, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 2/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn mâu thuẫn, không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02/2008 cho đến một thời gian sau anh M phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" bị xét xử 17 năm tù và phải đi chấp hành án tại Trại giam T – Vĩnh Phúc. Tình cảm giữa tôi và anh M không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là: Lò Văn N, sinh ngày 16/4/2004 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 25/8/2000. Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về quan hệ tài sản: Chị H khai tài sản riêng của từng người: Không có; tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ phải trả: Không có; nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã có công văn gửi Trại giam T – Vĩnh Phúc để nhờ Trại giam tống đạt thông báo thụ lý vụ án và hướng dẫn anh Lò Văn M viết bản tự khai. Tại bản tự khai ngày 03 tháng 01 năm 2018 anh M đã khai và công nhận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với cô Cà Thị H năm 2004, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2010 do tôi phải đi chấp hành án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn mặn mà như trước đây nữa. Hiện tại tôi đang chấp hành án tại phân trại số 03, Trại giam T, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Nay vợ tôi có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn tôi có ý kiến mong vợ tôi là Cà Thị H chờ tôi về, nếu cô Cà Thị H cương quyết muốn ly hôn tôi cũng đồng ý.

2. Về con chung: Anh M công nhận vợ chồng có 02 con chung là: Lò Văn N, sinh ngày 16/4/2004 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 25/8/2000. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động anh M đồng ý. Do hiện tại anh M đang phải chấp hành án nên việc cấp dưỡng nuôi con chung anh M chưa thể thực hiện được.

3. Về quan hệ tài sản: Anh M khai: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung của hai vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 26/02/2018 anh M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh M không có ý kiến gì thay đổi anh vẫn giữ nguyên các ý kiến trong bản tự khai và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết như trong đơn khởi kiện và các lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân**:** Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng, anh M vi phạm pháp luật về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" bị án phạt 17 năm tù và phải đi chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Phú Thọ, xuất phát từ nguyên nhân đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì; Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị H.

[2].Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là: Lò Văn N, sinh ngày 16/4/2004 và cháu Lò Văn T, sinh ngày 25/8/2000. Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai của anh M cũng nhất trí giao hai con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 của hai cháu Lò Văn N và Lò Văn T đã khai và đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị H, anh M, cháu Nghĩa, cháu Tình là đúng với quy định của pháp luật. Do vậy HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H và nguyện vọng của cháu Nghĩa, cháu Tình giao hai cháu cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M. Hiện tại anh M đang chấp hành hình phạt tại Trại giam T, Phú Thọ do vậy anh M không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh M có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[3].Về quan hệ tài sản**:** Chị H và anh M đều khai tài sản riêng: Không có; tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo. Chị H được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235; 264 và 267/BLTTDS (năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử: Cho chị Cà Thị H được ly hôn với anh Lò Văn M.

2. Về con chung: Chị Cà Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 25/8/2000 và cháu Lò Văn N, sinh ngày 16/4/2004 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có.

Tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có.

Diện tích ruộng, nương: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án
phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo. Chị H được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- TAND Tỉnh
- VKSND huyện ĐB
- Chi cục T.H.A DS huyện ĐB
- Các đương sự
- UBND xã N
- Lưu

Vũ Thị Thanh Thủy